

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thúc Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Nguyễn Thúy Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Mai Văn Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thúc Định	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Mai Văn Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2010

Số. /2010 /AP.KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bao bì PP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bao bì PP (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/6/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 8 đến trang 20 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Bao bì PP dùng để hợp nhất đã được soát xét với ý kiến lưu ý Công ty mẹ đã phân loại lại số liệu đầu kỳ do điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2009 khoản đầu tư vào Công ty con và Thu nhập tài chính năm 2009 giảm đi với cùng số tiền là 2.002.129.780 VND.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty con - Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch dùng để hợp nhất đã được soát xét với ý kiến lưu ý Công ty con mới tạm xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đến 30/06/2010.

Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		56.250.234.700	78.309.913.007
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.425.563.389	22.936.929.510
1. Tiền	111		1.760.104.147	3.962.158.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.665.459.242	18.974.770.644
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	16.250.068.992
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	-	16.250.068.992
III. Các khoản phải thu	130		24.047.618.461	22.848.654.648
1. Phải thu của khách hàng	131		22.704.574.544	22.259.018.555
2. Trả trước cho người bán	132		1.147.448.600	513.351.764
3. Các khoản phải thu khác	135	6	574.296.879	454.985.891
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(378.701.562)	(378.701.562)
IV. Hàng tồn kho	140	7	18.502.641.206	12.603.114.551
1. Hàng tồn kho	141		18.509.640.294	12.610.113.639
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.999.088)	(6.999.088)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		274.411.644	3.671.145.306
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	49.470.592	48.804.715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.828.810	1.552.052.106
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	2.654.794
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		212.112.242	2.067.633.691
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260+269)	200		47.527.507.955	48.323.695.747
I. Tài sản cố định	220		43.047.824.131	43.611.552.910
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	21.127.158.487	23.024.645.249
- Nguyên giá	222		109.435.784.826	111.110.248.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.308.626.339)	(88.085.602.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.877.254.382	3.917.924.882
- Nguyên giá	228		4.067.050.050	4.067.050.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(189.795.668)	(149.125.168)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	18.043.411.262	16.668.982.779
II. Tài sản dài hạn khác	260		9.189.338	-
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.189.338	-
IV. Lợi thế thương mại	269	12	4.470.494.486	4.712.142.837
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		103.777.742.655	126.633.608.754

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		36.313.520.844	55.726.443.434
I. Nợ ngắn hạn	310		32.543.878.675	55.522.366.622
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	14.195.120.336	45.270.788.887
2. Phải trả cho người bán	312		13.039.874.210	4.482.293.358
3. Người mua trả tiền trước	313		222.986.317	163.836.080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	755.369.526	2.121.573.569
5. Phải trả công nhân viên	315		1.681.231.307	1.693.078.530
6. Chi phí phải trả	316		339.771.796	280.638.030
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	1.243.504.128	1.072.332.113
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.066.021.055	437.826.055
II. Nợ dài hạn	330		3.769.642.169	204.076.812
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.500.000.000	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	194.973
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		269.642.169	203.881.839
B. NGUỒN VỐN (400=410+439)	400		65.582.359.616	69.246.442.156
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	65.582.359.616	69.246.442.156
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38.800.000.000	38.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.450.600.000	16.450.600.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(285.000.000)	(285.000.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		181.815.500	1.033.354.101
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.395.088.078	5.465.418.833
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.711.110.000	1.320.000.000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	148.895.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.328.746.038	6.313.174.222
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	19	1.881.862.195	1.660.723.164
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		103.777.742.655	126.633.608.754

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 01a - DN/HN

CHỈ TIÊU	ĐVT	30/06/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại	USD	1.229,21	1.219,22

Mai Văn Bình
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thúy Hiền
Kê toán trưởng

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MÃU B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	97.716.005.671
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		97.716.005.671
4. Giá vốn hàng bán	11	21	88.630.877.391
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		9.085.128.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	616.622.032
7. Chi phí tài chính	22	23	1.394.045.485
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.065.180.296</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.731.368.210
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.271.644.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.304.692.508
11. Thu nhập khác	31		451.009.251
12. Chi phí khác	32		300.959.057
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		150.050.194
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.454.742.702
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	525.836.921
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(9.384.311)
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		3.938.290.092
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		234.029.531
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.704.260.561
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	960

Mai Văn Bình
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thúy Hiền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MẪU B 03 a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2010

đến 30/06/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.454.742.702
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ	02	2.363.571.807
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(644.906.106)
Chi phí lãi vay	06	1.065.180.296
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.238.588.699
Tăng các khoản phải thu	09	2.080.941.421
Giảm hàng tồn kho	10	(5.899.526.655)
Tăng các khoản phải trả	11	10.299.267.349
Giảm Chi phí trả trước	12	(665.877)
Tiền lãi vay đã trả	13	(946.046.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(713.445.248)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(115.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.943.413.159
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.774.428.483)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	352.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(8.830.540.758)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.080.609.750
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	684.048.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.511.689.271
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.310.149.369
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.385.817.920)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.890.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.966.468.551)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.511.366.121)
Tiền tồn đầu kỳ	60	22.936.929.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	13.425.563.389

Mai Văn Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

Nguyễn Thúy Hiền
Kế toán trưởng

CÔNG TY MẸ

Công ty cổ phần Bao bì PP (gọi tắt là "Công ty mẹ") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 815QĐ/UB ngày 17/04/2003 về việc chuyển Nhà máy Bao bì PP thành Công ty cổ phần Bao bì PP, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000436 ngày 21/04/2003 và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 06/06/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai ngày 06/11/2009 (tăng vốn từ 28.000.000.0000 đồng lên 38.800.000.000 đồng) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 38.800.000.000 đồng tương ứng với 3.880.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm bao bì các loại từ chất dẻo; Sản xuất bao bì carton sóng, phẳng; Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành bao bì chất dẻo và bao bì giấy; Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công nghiệp dân dụng; Chuẩn bị mặt bằng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 263 Trần Nguyễn Hân, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CON

Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhon Trạch (gọi tắt là "Công ty con") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4703000390 ngày 15/06/2007; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000292 ngày 06/11/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng tương ứng với 180.000 cổ phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Sản xuất bao bì từ chất dẻo và bao bì giấy, phụ gia cho ngành nhựa; Mua bán vật tư và thiết bị cho ngành nhựa và ngành giấy; Vận tải hàng hóa đường bộ.

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại: Thửa 12, Khu công nghiệp Nhon Trạch II - Lộc Khang, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Bao bì PP được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Bao bì PP (Công ty mẹ) và Công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty" do Công ty mẹ kiểm soát được lập đến ngày 30/06 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty con này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành nhưng chưa được duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị bàn giao dựa trên quyết toán giữa hai bên hoặc giá trị khối lượng thi công thực tế đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt sẽ điều chỉnh nguyên giá theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải	03 – 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình của Công được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là: Giá trị quyền sử dụng diện tích 7.213m² đất tại thửa 12, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Lộc Khang trong 52 năm 4 tháng từ ngày 26/11/2003 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AG 103347 xác nhận ngày 24/09/2007. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài Công ty, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm cả giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy trên cơ sở đảm bảo là Công ty nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch, cụ thể: Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, hóa đơn đã phát hành, người mua đã chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản nợ phải thu, phải trả được phản ánh trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp 6 tháng đầu năm 2010 là số tạm tính. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	51.982.836	178.912.533
Tiền gửi ngân hàng	1.708.121.311	3.783.246.333
Các khoản tương đương tiền	11.665.459.242	18.974.770.644
	13.425.563.389	22.936.929.510

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	16.250.068.992
	-	16.250.068.992

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi còn phải thu	212.894.630	155.407.046
Phải thu khác	361.402.249	299.578.845
	574.296.879	454.985.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	673.455.660	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.581.831.336	7.998.418.730
Công cụ, dụng cụ	93.307.511	110.351.059
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.540.872.251	1.247.547.175
Thành phẩm	3.561.088.808	3.195.491.838
Hàng hoá	29.829.940	29.050.049
Hàng gửi đi bán	29.254.788	29.254.788
	<u>18.509.640.294</u>	<u>12.610.113.639</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-6.999.088	-6.999.088
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>18.502.641.206</u>	<u>12.603.114.551</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2010</u>
Số dư đầu kỳ	48.804.715
Tăng trong kỳ	28.649.409
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	27.983.532
Số dư cuối kỳ	<u>49.470.592</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ, thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	17.956.136.249	91.000.816.173	1.879.317.170	273.978.572	111.110.248.164
Tăng trong kỳ	-	425.414.545	-	-	425.414.545
Thanh lý nhượng bán	-	2.099.877.883	-	-	2.099.877.883
Tại ngày 30/06/2010	17.956.136.249	89.326.352.835	1.879.317.170	273.978.572	109.435.784.826
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	9.108.097.816	77.723.684.480	979.842.047	273.978.572	88.085.602.915
Khấu hao trong kỳ	473.379.923	1.721.293.862	128.227.522	-	2.322.901.307
Thanh lý nhượng bán	-	2.099.877.883	-	-	2.099.877.883
Tại ngày 30/06/2010	9.581.477.739	77.345.100.459	1.108.069.569	273.978.572	88.308.626.339
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	8.848.038.433	13.277.131.693	899.475.123	-	23.024.645.249
Tại ngày 30/06/2010	8.374.658.510	11.981.252.376	771.247.601	-	21.127.158.487

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 74.345.615.629 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình gồm máy móc thiết bị và toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình kiến trúc trên diện tích 15.114,0 m² tại Phố Đình Nhu, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại 30/06/2010 là 7.276.413.156 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (xem Thuyết minh số 13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2010	4.067.050.050	4.067.050.050
Mua trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2010	<u>4.067.050.050</u>	<u>4.067.050.050</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2010	149.125.168	149.125.168
Khấu hao trong kỳ	40.670.500	40.670.500
Số dư tại 30/06/2010	<u>189.795.668</u>	<u>189.795.668</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2010	<u>3.917.924.882</u>	<u>3.917.924.882</u>
Tại 30/06/2010	<u>3.877.254.382</u>	<u>3.877.254.382</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
Tại ngày 01 tháng 01	16.668.982.779
Tăng	1.374.428.483
Tại ngày 30 tháng 06	<u>18.043.411.262</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là của Công trình Nhà máy giấy Kraft.

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u> VND
Lợi thế thương mại tại ngày 01/01	4.712.142.837
Phân phối lợi thế thương mại trong kỳ	241.648.351
Lợi thế thương mại tại ngày 30/06	<u>4.470.494.486</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.195.120.336	45.070.788.887
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.743.060.000	-
<i>Vay USD</i>	<i>1.743.060.000</i>	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	12.452.060.336	41.570.788.887
<i>Vay USD</i>	<i>12.452.060.336</i>	<i>41.328.084.740</i>
<i>Vay EUR</i>	-	242.704.147
Vay cá nhân	-	3.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	200.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	200.000.000
	<u>14.195.120.336</u>	<u>45.270.788.887</u>

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01 - 09 HM/BBPP ngày 22/06/2009 với hạn mức 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay từ 14/06/2010 đến ngày 14/12/2010. Lãi suất vay áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay thanh toán LC.
- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam là khoản vay theo các Hợp đồng hạn mức tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 1603 - LAV - 20090 ngày 23/11/2009 với số tiền 604.427,94 USD, thời hạn vay từ 23/11/2009 đến ngày 23/09/2010. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 09 tháng số 0032009-HĐTĐG-EIB-HP ngày 23/11/2009 trị giá 11.665.459.242 đồng.
 - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 163 - LAV - 2010000107 ngày 09/02/2010 với hạn mức 40.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Máy móc với tổng giá trị đảm bảo ước tính là 6.990.082.546 đồng; hàng tồn kho của Công ty luân chuyển không dưới mức 14.500.000.000 đồng; Toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình kiến trúc trên diện tích 15.114,00 m² tại Phố Đình Nhu, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân Chân, Thành phố Hải Phòng với giá trị ước tính 8.000.000.000 đồng.

Lãi suất vay của 2 hợp đồng trên áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay của 2 hợp đồng trên là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	342.623.190	1.533.128.321
Thuế thu nhập doanh nghiệp	400.836.921	588.445.248
Thuế thu nhập cá nhân	11.909.415	-
	755.369.526	2.121.573.569

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	161.412.508	157.485.612
Bảo hiểm xã hội	113.206.979	6.251.421
Bảo hiểm y tế	36.275.039	22.005.544
Phải trả, phải nộp khác	932.609.602	886.589.536
	1.243.504.128	1.072.332.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B09a-DN/HN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2010 (1)	38.800.000.000	16.450.600.000	(285.000.000)	1.033.354.101	6.313.174.222	5.465.418.833	1.320.000.000	148.895.000
Lợi nhuận trong kỳ (2)	-	-	-	-	3.704.260.561	-	-	-
Phân phối lợi nhuận của Công ty con (3)	-	-	-	-	(407.333.745)	229.669.245	91.110.000	-
Phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ (4)	-	-	-	181.815.500	(7.235.800.000)	700.000.000	300.000.000	-
Giảm khác (5)	-	-	-	(1.033.354.101)	(45.555.000)			(148.895.000)
Tại 30/06/2010 (6=1+2+3+4+5)	38.800.000.000	16.450.600.000	(285.000.000)	181.815.500	2.328.746.038	6.395.088.078	1.711.110.000	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty mẹ: Công ty cổ phần Bao bì PP số 02/2009/BB - ĐHCĐ ngày 03/04/2010, việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 được thực hiện như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	: 8,72% lợi nhuận sau thuế tương đương 700.000.000 đồng
Quỹ dự phòng tài chính	: 3,74% lợi nhuận sau thuế tương đương 300.000.000 đồng
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3,74% lợi nhuận sau thuế tương đương 300.000.000 đồng
Quỹ Hội đồng quản trị	: 1,87% lợi nhuận sau thuế tương đương 150.000.000 đồng

17. CỔ TỨC

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010, Công ty mẹ phải chi trả cổ tức của năm 2009 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 5.785.800.000 đồng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần Bao bì PP số 02/2009/BB - ĐHCĐ ngày 03/04/2010. Đến thời điểm 30/6/2010, số cổ tức đã trả cho các cổ đông là: 5.785.800.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CỔ PHIẾU

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.880.000	3.880.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	3.857.200	3.857.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	3.857.200	3.857.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.857.200	3.857.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.857.200	3.857.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

(*) Tại 30/06/2010, số lượng cổ phiếu đang lưu hành không bao gồm 22.800 cổ phiếu quỹ mệnh giá 10.000 đồng (2.280 cổ phiếu quỹ mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu tại 31/12/2008).

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND
Lợi ích của cổ đông thiểu số đầu kỳ	1.660.723.164
Tăng trong kỳ	234.029.531
<i>Lợi nhuận trong kỳ</i>	234.029.531
Giảm trong kỳ	12.890.500
<i>Công ty con phân phối lợi nhuận 2009 sang Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 95.000.000 VND</i>	8.445.500
<i>Công ty con chuyển số dư Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu sang Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định: 50.000.000 VND</i>	4.445.000
Lợi ích của cổ đông thiểu số cuối kỳ	1.881.862.195

20. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND
Doanh thu bán hàng	19.463.169.822
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	424.362.639
Doanh thu bán thành phẩm	77.828.473.210
	97.716.005.671
Các khoản giảm trừ	-
Doanh thu thuần	97.716.005.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Giá vốn hàng hóa	17.924.084.592
Giá vốn thành phẩm	70.706.792.799
	88.630.877.391

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền gửi	566.554.457
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.067.575
	616.622.032

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền vay	1.065.180.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	328.865.189
	1.394.045.485

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	4.454.742.702
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
Trừ:	2.630.580.613
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất được miễn thuế	2.630.580.613
Cộng:	279.185.594
- Phân bổ lợi thế thương mại	241.648.351
- Lãi chưa thực hiện của hàng tồn kho	37.537.243
Tổng lợi nhuận chịu thuế	2.103.347.683
Thuế suất	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	525.836.921
Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Lãi chưa thực hiện của hàng tồn kho	(9.384.311)
Chi phí thuế TNDN	516.452.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.704.260.561
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	3.857.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	960

26. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<i>Giao dịch với bên liên quan:</i>	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	
	VND	
Bán hàng hóa, thành phẩm		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương		866.074.000
Mua hàng hóa, thành phẩm		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương		6.271.492.663
Cho vay mượn vật tư		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương		338.464.528
Số dư với bên liên quan:	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương	611.198.500	2.264.658.709
Phải thu khác		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương	338.464.528	-
Các khoản phải trả		
Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương	320.087.721	291.618.255

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2010 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và chưa được soát xét nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và một số chỉ tiêu trên Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 không trình bày số liệu so sánh.